

Bản án số: 276 /2018/HNGĐ-ST

Ngày 04-9-2018

V/v ly hôn giữa chị H và anh G

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CỜ ĐỎ, THÀNH PHỐ CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Minh Viễn

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Thúy

2. Ông Nguyễn Xuân Quỳ

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoài Thương - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cờ Đỏ, thành phố Cần Thơ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cờ Đỏ, thành phố Cần Thơ tham gia phiên tòa: Ông Lưu Quốc Phú - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 9 năm 2018, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cờ Đỏ, thành phố Cần Thơ xét xử sơ thẩm vụ án thụ lý số 227/2018/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 6 năm 2018 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản khi ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 164/2018/QĐST-HNGĐ ngày 02 tháng 8 năm 2018 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Dương Thị H, sinh năm 1974. Địa chỉ: Xã H, huyện Đ, thành phố Cần Thơ “có mặt”.

2. *Bị đơn:* Anh Lê Hoàng G, sinh năm 1973. Địa chỉ: Xã H, huyện Đ, thành phố Cần Thơ “vắng mặt”.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại Đơn khởi kiện đề ngày 24-4-2018, quá trình tố tụng và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Dương Thị H trình bày: Về quan hệ hôn nhân, chị và anh G tự tìm hiểu và xác lập hôn nhân vào năm 1998; vợ chồng có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn theo giấy chứng nhận kết hôn số 81/2006 do Ủy ban nhân dân xã H, huyện Đ, thành phố Cần Thơ cấp ngày 23-8-2006. Thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc cho đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh G bỏ vợ con để chung sống với người phụ nữ khác. Vợ chồng sống ly thân từ năm 2017 đến nay. Xét thấy, tình cảm vợ chồng giữa chị và anh G không còn nên xin ly hôn. Về nuôi con chung: Vợ chồng có hai con chung tên Lê Ngọc M sinh ngày 24-02-1999

và Lê Ngọc L sinh ngày 29-3-2009, cháu M đã trưởng thành và có gia đình riêng, còn cháu L đang sống cùng chị, chị H có yêu cầu nuôi cháu L đến trưởng thành, không yêu cầu anh G cấp dưỡng nuôi con. Về chia tài sản: Chị H xác định không có. Nghĩa vụ trả nợ: Không có.

Bị đơn anh Lê Hoàng G được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng đều vắng mặt nên không tiến hành hòa giải được.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng. Tòa án nhân dân huyện Cờ Đỏ, thành phố Cần Thơ nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Anh Lê Hoàng G là bị đơn được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt, không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Do đó, căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân của chị H và anh G là hôn nhân hợp pháp. Sau một thời gian chung sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do anh G có quan hệ tình cảm với phụ nữ khác, chị H nhiều lần khuyên can chồng nhưng anh G không chịu từ bỏ mà chính thức sống chung với người phụ nữ đó. Vợ chồng ly thân từ năm 2017 đến nay. Trong thời gian này anh G không lần nào tới thăm vợ con, không thể hiện mong muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng. Xét thấy, hôn nhân giữa chị H và anh G đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị H và anh G.

[2.2] Về nuôi con chung: Vợ chồng có hai con chung, cháu M đã trưởng thành có gia đình riêng, cháu L sinh năm 2009 đang sống cùng chị H. Anh G không tranh chấp quyền nuôi con nên giao con cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp. Ghi nhận chị H không yêu cầu anh G cấp dưỡng nuôi con.

[2.3] Về chia tài sản: Chị H xác định không có. Tuy nhiên do xét xử vắng anh G chưa ghi nhận được ý kiến anh G về tài sản chung nên sau này có tranh chấp sẽ giải quyết sau.

[2.4] Về nghĩa vụ trả nợ: Không có

[3] Về án phí sơ thẩm: Chị H phải nộp án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014; Điều 17 Luật Phí và lệ phí; Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn giữa chị Dương Thị H và anh Lê Hoàng G.

2. Về nuôi con chung: Giao cháu Lê Ngọc L sinh ngày 29-3-2009 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng. Ghi nhận chị H không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Anh G được quyền đi lại thăm và chăm sóc con chung, không ai có quyền cản trở.

3. Về chia tài sản: Chưa giải quyết, sau này có tranh chấp sẽ giải quyết sau.

4. Nghĩa vụ trả nợ: Không có.

5. Về án phí sơ thẩm: Chị Dương Thị H phải nộp 300.000đồng án phí sơ thẩm ly hôn, được trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000đồng chị H đã nộp theo biên lai thu số 000898 ngày 07-6-2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cờ Đỏ, thành phố Cần Thơ.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Án xử công khai, tuyên án có mặt nguyên đơn, vắng mặt bị đơn.

Nguyên đơn có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; Bị đơn có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được niêm yết tại Ủy ban nhân dân địa phương nơi cư trú hoặc được tổng đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Đ;
- Chi cục THADS huyện Đ;
- UBND xã nơi đăng ký kết hôn;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Minh Viên

